

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

Ảnh 4x6 cm

**Mã hồ sơ: .....**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó  ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký : Giảng viên  Giảng viên thỉnh giảng

Ngành : Y học;

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký : **TẶNG XUÂN HẢI**
2. Ngày tháng năm sinh : 19/5/1966; Nam; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc : Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
4. Quê quán : xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Số nhà 324, B4, chung cư Nam Nguyễn Sỹ Sách, Khối Trung Hợp, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
6. Địa chỉ liên hệ : Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An  
: Số 19, đường Tôn Thất Tùng, Tp. Vinh, Nghệ An.
- Điện thoại di động : 0912 379 583;
- E-mail : *bstangxuanhai@gmail.com*
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
- Từ 11/1990-9/1998: Bác sĩ điều trị Tai Mũi Họng - Bệnh viện Đa khoa Tây Bắc Nghệ An.
  - Từ tháng 10/1998-9/2000: Học bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Tai mũi họng - Trường Đại học Y Hà Nội.
  - Từ tháng 10/2004-9/2006: học bác sĩ chuyên khoa II tại Trường Đại học Y Hà Nội.
  - Từ tháng 10/2000-5/2008: được bổ nhiệm làm Trưởng Khoa 3 Chuyên khoa TMH-MẮT-RHM; Phó chủ tịch công đoàn bệnh viện Đa khoa Tây Bắc Nghệ An.
  - Từ tháng 6/2008-8/2015: chuyển đến Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An, là bác sĩ điều trị chuyên ngành Tai mũi họng. Được bổ nhiệm làm Trưởng khoa Tai Mũi Họng - Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.

- Từ 9/2015-8/2019: Học nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y dược Hải Phòng.
- Từ tháng 10/2017-2/2020: được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.
- Từ 27/3/2020 đến nay : Được bổ nhiệm làm Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An.
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An.
- **Cơ quan công tác hiện nay:** Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An, Sở Y Tế Nghệ An.

Địa chỉ cơ quan : Số 19, Đường Tôn Thất Tùng, Tp. Vinh, Nghệ An.

Điện thoại cơ quan : 02383 844 129

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục Đại học:

- Trường Đại học Y Khoa Vinh.
- Viện Hóa Sinh, Trường Đại học Vinh.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.
- Đại học Y dược Hải Phòng.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: (chưa)

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): (chưa)

Tên cơ sở giáo dục Đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Y Khoa Vinh.
- Viện Hóa Sinh, Trường Đại học Vinh.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương.
- Đại học Y dược Hải Phòng.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học - Ngày 04 tháng 10 năm 1990; số văn bằng: A64541; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Thái Bình, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ Chuyên khoa I - Ngày 10 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: B02708; ngành: Y; chuyên ngành: Tai Mũi Họng; Nơi cấp bằng Bác sỹ Chuyên khoa I: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ Chuyên khoa cấp II - Ngày 11 tháng 9 năm 2007; số văn bằng: A001427; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Tai Mũi Họng - Mũi họng; Nơi cấp bằng Bác sỹ Chuyên khoa II: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sỹ Y học - Ngày 08 tháng 8 năm 2019; số văn bằng: YHHPA000004; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: (chưa).

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trên cơ sở được đào tạo bài bản từ chuyên khoa I, chuyên khoa II và Tiến sĩ về chuyên ngành Tai mũi họng, ứng dụng trong công tác chuyên môn và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Tai mũi họng, trải qua nhiều vai trò quản lý khác nhau, tôi đã triển khai nghiên cứu khoa học và có 65 bài báo được công bố theo 4 hướng sau:

*1- Nghiên cứu về bệnh học Tai mũi họng, bao gồm các lĩnh vực*

- Lĩnh vực Tai: Nghiên cứu bệnh lý tai ngoài, chỉnh hình thẩm mỹ tai - vành tai, nghiên cứu các bệnh lý ống tai ngoài. Rò luân nhĩ biến thể [22].

- Mũi họng: Nghiên cứu đánh giá hiệu lực của các loại thuốc điều trị bệnh lý viêm mũi dị ứng, viêm mũi xoang dị ứng. Nghiên cứu tình hình hình dịch tế học viêm mũi dị ứng tại nhiều trường tiểu học tại Nghệ An; Nghiên cứu lĩnh vực viêm mũi xoang mãn tính và ứng dụng tiên bộ mới trong phẫu thuật nội soi mũi xoang người lớn; Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị chảy máu mũi điểm mạch bằng nitrat bạc [1], [2], [3], [4], [5], [15], [16].

- Chẩn đoán điều trị bệnh học thanh quản: Tiến hành nghiên cứu bệnh lý thanh quản, phẫu thuật tái tạo vòm miệng xử lý tình trạng ngáy khi ngủ, áp dụng phương pháp xử trí hội chứng ngưng thở khi ngủ. Nghiên cứu bệnh học ung thư thanh quản, triển khai kỹ thuật phẫu thuật cắt thanh quản toàn bộ kèm nạo vét hạch trong bệnh lý ung thư thanh quản. Nghiên cứu sử dụng dụng cụ phát âm nhân tạo hiệu quả cho bệnh nhân sau phẫu thuật cắt thanh quản toàn bộ. Nghiên cứu bệnh học dây thanh, u dây thanh, áp dụng kỹ thuật phẫu thuật tái tạo và bảo tồn dây thanh đạt kết quả cao.

- Thính học: Nghiên cứu bệnh học tai trong, bệnh lý hòm tai, tiền đình; bệnh học về chóng mặt liên quan đến tiền đình và dây thần kinh số VIII. Triển khai kỹ thuật cấy điện cực ốc tai lần đầu tiên tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An cho kết quả nghe và cải thiện khả năng nghe của bệnh nhi hiệu quả. Đánh giá kết quả phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII điều trị liệt mặt ngoại biên do chấn thương. Nghiên cứu các yếu tố gây giảm thính lực trẻ sơ sinh đo bằng âm ốc tai (OAE) sàng lọc [17], [18], [20].

*2- Nghiên cứu về bệnh học Nhi khoa*

Nghiên cứu bệnh lý nhiễm trùng hô hấp; nghiên cứu một số xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh, sơ sinh (Chẩn đoán trước sinh các bất thường nhiễm sắc thể bằng kỹ thuật CNV-SEQ; Đánh giá kết quả sàng lọc, chẩn đoán trước sinh dị tật bẩm sinh thai nhi ở thai phụ có nguy cơ cao; Nghiên cứu về kỹ thuật lấy máu gót chân trẻ sơ sinh); Nghiên cứu trong lĩnh vực nội nhi (Vấn đề kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn gây nhiễm

khuẩn huyết; Vấn đề viêm phổi trẻ em; Bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da ở trẻ em; Vấn đề thiếu máu thiếu sắt trẻ em...); Ngoại nhi (Đánh giá vai trò của siêu âm trong chẩn đoán và điều trị bệnh lồng ruột; phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng hai bên toàn bộ bẩm sinh theo kỹ thuật Push Back; Viêm tai giữa ứ dịch tái diễn ở trẻ em sau đặt ống thông khí; Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật chi trên ở trẻ em bằng gậy tê đám rối thần kinh cánh tay đường trên đòn dưới hướng dẫn siêu âm...); Cận lâm sàng nhi (Đánh giá vai trò của siêu âm trong chẩn đoán tắc ruột trẻ em; Hình ảnh nội soi và đặc điểm mô bệnh học viêm dạ dày mạn tính nhiễm *Helicobacter Pylori* ở trẻ em; Nghiên cứu xét nghiệm huyết thanh học nhiễm cytomegalovirus trẻ em; Nghiên cứu phân bố huyết thanh và tính kháng kháng sinh của các chủng *Streptococcus pneumoniae* thu thập từ trẻ em bị viêm phổi chưa được tiêm phòng tại một tỉnh miền Trung Việt Nam...) [8], [23], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43].

### 3- Nghiên cứu về lĩnh vực Sản phụ khoa

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả dự phòng lạnh run sau gây tê tủy sống mổ lấy thai bằng dịch truyền được làm ấm; Đánh giá hiệu quả giảm đau trong đẻ của gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự kiểm soát bằng anaropin kết hợp fentanyl; Đánh giá hiệu quả điều trị lạnh run sau gây tê tủy sống mổ lấy thai bằng magnesi sulfat; Xét nghiệm sàng lọc dự đoán bất thường nhiễm sắc thể ở thai phụ có nguy cơ cao; Nghiên cứu yếu tố liên quan với nhiễm liên cầu nhóm B đường sinh sản ở phụ nữ có thai tuần thứ 35 đến tuần thứ 37; Kết quả phẫu thuật Crossen trong điều trị sa sinh dục tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An; Vấn đề dự phòng kháng sinh ở phụ nữ có thai; Hiệu quả giảm đau sau mổ của gây tê ngoài màng cứng trong phẫu thuật lấy thai; Nghiên cứu vấn đề chọc ối ở những trường hợp thai nhi có tăng khoảng sáng sau gáy [44], [45], [56], [47], [48], [49], [50], [51], [52], [53], [54], [56].

### 4- Nghiên cứu về lĩnh vực khác

Nghiên cứu kiến thức, thực hành chống nhiễm nấm mốc cho dược liệu của cán bộ Y tế tại một số bệnh viện thuộc tỉnh Nghệ An, hiệu quả một số biện pháp can thiệp năm 2019; Phân tích thực trạng báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An giai đoạn 2020-2021; Vấn đề nấm mốc trong thuốc đông y ở Việt Nam; Kết quả lâm sàng và xét nghiệm ở bệnh nhân nhiễm giun đũa chó mèo tại Trung tâm y tế Medic Tp Hồ Chí Minh. Nghiên cứu một số vấn đề về dược chất (Ức chế sản xuất  $\alpha$ -Glucosidase, Acetylcholinesterase và Nitric Oxide bằng hóa chất thực vật được phân lập từ *Millettia speciosa* trong các nghiên cứu gắn kết phân tử và trong ống nghiệm; Thành phần hóa học của hạt *Alpinia blepharocaly* K. Schum ở Việt Nam và hoạt tính sinh học của chúng)[6], [7], [9], [10], [11], [12], [13], [57], [58], [59], [60], [61], [62], [63], [64], [65].

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn 04 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn cao học; còn 01 học viên đang học khóa 2022-2024.
- Đã hướng dẫn 02 học viên chuyên khoa II bảo vệ thành công luận án chuyên khoa II.
- Đang hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh thực hiện luận án Tiến sĩ chuyên ngành Ký sinh trùng tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - côn trùng Trung ương.
- Đã hoàn thành 17 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở từ năm 2009-->2022.
- Đã hoàn thành 02 đề tài cấp tỉnh.
- Đã công bố 65 bài báo khoa học, trong đó có 03 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín; có 44 bài báo là tác giả chính đăng trên các tạp chí có uy tín sau khi tốt nghiệp TS.
- Số lượng sách đã xuất bản 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín Việt Nam (trong đó chủ biên 01 sách).
- Số bằng sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp: không.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không.

#### **15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

- Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen trong lĩnh vực Y tế năm 2017.
- Chủ tịch nước tặng Danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú năm 2017.
- Chủ tịch UBND Nghệ An tặng Bằng khen 05 lần các năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015.
- 02 lần là chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 14 năm: 2009-->2015; 2016--> 2022.

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): ***Không***.

### **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

#### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

- Sau khi tốt nghiệp từ trường Đại học Y, tôi đã làm việc tại Bệnh viện đa khoa Tây Bắc Nghệ An. Công việc của tôi liên quan nhiều đến công tác nghiên cứu, chẩn đoán, điều trị và phòng chống bệnh lý Tai Mũi Họng, đặc biệt là bệnh học mũi xoang.

- Sau khi tốt nghiệp Bác sĩ chuyên khoa cấp I Trường Đại học Y Hà Nội, chuyên ngành Tai Mũi Họng, tôi tiếp tục công tác tại Bệnh viện đa khoa Tây Bắc Nghệ An, tôi đã có nhiều đóng góp trong công tác chuyên môn và tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học của cơ quan. Là người đầu tiên triển khai kỹ thuật nội soi Tai Mũi Họng tại bệnh viện.

- Là lãnh đạo Khoa 3 chuyên khoa; Phó chủ tịch công đoàn Bệnh viện đa khoa Tây Bắc Nghệ An, là bệnh viện lớn của Sở Y Tế Nghệ An, tôi đã cố gắng học hỏi cùng với các cán bộ trong Khoa, các cán bộ trong bệnh viện đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn

được giao trong công tác chỉ đạo tuyến, xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán, điều trị, phòng chống bệnh lý Tai Mũi Họng, thực hiện các nghiên cứu và các hoạt động điều trị bệnh lý Tai Mũi Họng tại bệnh viện và khu vực.

- Sau khi tốt nghiệp Bác sĩ chuyên khoa cấp II từ Trường Đại học Y Hà Nội ngày 11 tháng 9 năm 2007; chuyên ngành Tai Mũi Họng - Mũi họng; Trong giai đoạn tháng 6 năm 2008 đến tháng 2 năm 2020, tôi may mắn được chuyển lên Bệnh viện tuyến tỉnh, được bổ nhiệm làm Trưởng khoa Tai Mũi Họng, rồi được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An. Tôi luôn nỗ lực cố gắng thực hiện các hoạt động hợp tác, trao đổi, phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học, các đối tác, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, học tập các kỹ thuật mới, các nội dung chuyên đề, chuyên sâu mới. Triển khai các dự án hợp tác, giảng dạy và nghiên cứu về bệnh học chuyên ngành Tai Mũi Họng tại Nghệ An và Việt Nam.

- Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tôi được cấp bằng Tiến sĩ Y học số văn bằng: YHHPA000004; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Y dược Hải Phòng, Việt Nam. Kể từ đó tôi đã chủ trì thêm nhiều công trình nghiên cứu khoa học và tích cực tham gia hướng dẫn các học viên cao học, chuyên khoa II cho đến khi học viên tốt nghiệp.

- Tôi luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của một người công dân, một người thầy thuốc và của một người làm công tác nghiên cứu khoa học. Tôi luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để có thể bắt kịp, cập nhật và phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành Tai Mũi Họng của Bệnh viện nơi tôi quản lý và đang công tác, của cả ngành Tai Mũi Họng Việt Nam.

- Trong công tác chuyên môn, tôi luôn trung thực, không có sai phạm trong quản lý điều hành, trong giảng dạy và trong nghiên cứu khoa học. Phát huy tinh thần tập thể, hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan. Nhiệt tình hỗ trợ các đồng nghiệp, học sinh, sinh viên.

- Từ tháng 3 năm 2020 đến nay, tôi được bổ nhiệm làm Giám đốc Bệnh viện Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An, trên cương vị mới, vừa là nhà quản lý, vừa là một giáo viên tôi luôn giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Thực hiện đúng các nội quy, quy chế của viện, của trường. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng và đối xử công bằng với học trò, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của học trò. Không ngừng học tập, rèn luyện cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phẩm chất đạo đức và chính trị của mình.

- Với tất cả những điều đã thực hiện tôi nhận thấy mình đạt đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 04 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ giảng ĐH trực tiếp trên lớp	Số giờ chuẩn giảng dạy ĐH qui đổi	Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup>
		Chính	Phụ					
1	2017-2018					165	165	165/165/135
2	2018-2019					137,5	137,5	137,5/137,5/135
3	2019-2020			1		141	211	141/211/135
<b>3 năm học cuối</b>								
4	2020-2021		1	1		178,5	231	126/231//135
5	2021-2022		1	2		161	248,5	126/248,5/135
6	2022-2023		1	2		185	272,5	80/272,5/135
7	2023-2024		1	1				Đang thực hiện

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Cụ thể tỷ lệ % số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp cho sinh viên Đại học Y khoa Vinh và sinh viên Trường Đại học Vinh so với tổng số giờ lý thuyết định mức các năm học như sau:

Năm học 2017-2018:  $(165/135) \times 100 = 122,22\%$ .

Năm học 2018-2019:  $(137,5/135) \times 100 = 101,85\%$ .

Năm học 2019-2020:  $(141/135) \times 100 = 104,44\%$ .

Năm học 2020-2021:  $(126/135) \times 100 = 93,33\%$ .

Năm học 2021-2022:  $(126/135) \times 100 = 93,33\%$ .

Năm học 2022-2023:  $(80/135) \times 100 = 59,26\%$ .

## 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS hoặc TSKH  tại nước: .....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Nha Trang; Bằng cử nhân ngôn ngữ Anh; Số bằng: 1623675; năm cấp: 2018.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ;Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh.

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Vinh; Chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 4 (Cấp độ B2 - Khung tham chiếu Châu Âu); Số hiệu: TA-B2/0054116; năm cấp: 2017.

#### **4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

##### **4.1. Đã hoàn thành hướng dẫn 04 học viên cao học, 02 học viên chuyên khoa II gồm:**

1. Học viên Đặng Thị Hồng Nhung, Thạc sĩ khóa 2018-2020, chuyên ngành Sinh học thực nghiệm - Trường Đại học Vinh.

Tên đề tài: "Nghiên cứu các loại thú móng guốc ở Bắc Trung bộ bằng phương pháp sinh học phân tử".

Mã số: 8420103

Số hiệu bằng: ĐHV/B 00004871; ngày cấp bằng: 15/9/2020.

2. Học viên Nguyễn Thị Giang, Thạc sĩ khóa 2019-2021, chuyên ngành Sinh học thực nghiệm - Trường Đại học Vinh.

Tên đề tài: "Nghiên cứu đặc điểm bất thường nhiễm sắc thể trong chẩn đoán trước sinh bằng kỹ thuật Karyotype tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An".

Mã số: 8420114

Số hiệu bằng: ĐHV/B 00006082; ngày cấp bằng: 15/10/2021

3. Nguyễn Thị Vân, Thạc sĩ khóa 2020-2022, chuyên ngành Sinh học thực nghiệm - Trường Đại học Vinh.

Tên đề tài: "Nghiên cứu đặc điểm bệnh lý nội tiết và rối loạn chuyển hóa ở trẻ sơ sinh thông qua xét nghiệm sàng lọc máu tại bệnh Sản nhi Nghệ An".

Mã số: 8420114.

Số hiệu bằng: Số hiệu bằng: ĐHV/B 00006082; ngày cấp bằng: 11/10/2022.

4. Học viên Nguyễn Văn Ngọc, Thạc sĩ khóa 2020-2023, chuyên ngành Sinh học thực nghiệm - Trường Đại học Vinh.

Tên đề tài: "Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ của gậy tê ngoài màng cứng do sản phụ tự kiểm soát bằng anaropin kết hợp fentanyl tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An".

Mã số: 8420114.



Số hiệu bằng: Đã có QĐ cấp bằng và đang chờ cấp bằng thạc sĩ.

5. Học viên Lâm Nguyên Thanh, Chuyên khoa cấp II khóa 2018-2020, chuyên ngành Quản lý Y tế - Trường Đại học Y dược Hải Phòng.

Tên đề tài: "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến quản lý nguồn nhân lực y tế tại bệnh viện Ung bướu Nghệ An, năm 2020".

Mã số: 62.72.76.05

Số hiệu bằng: A 009660; ngày cấp bằng: 22/01/2021.

6. Học viên Trần Đức Trọng, Chuyên khoa cấp II khóa 2018-2020, chuyên ngành Quản lý Y tế - Trường Đại học Y dược Hải Phòng.

Tên đề tài: "Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của bác sĩ, điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, năm 2019".

Mã số: 62.72.76.05

Số hiệu bằng: A 009663; ngày cấp bằng: 22/01/2021.

#### 4.2. Đang hướng dẫn 02 học viên:

+ 01 học viên cao học: Hồ Thị Thu Thảo chuyên ngành y tế công cộng - Trường Đại học Y khoa Vinh khóa học 2022-2024.

Cán bộ hướng dẫn: Ts. Tăng Xuân Hải.

+ 01 Nghiên cứu sinh: Dương Thị Khánh Linh, tên đề tài: "Nghiên cứu tỷ lệ mắc, đặc điểm lâm sàng, tác nhân gây bệnh và kết quả điều trị bệnh nấm nông bàn chân tại Trung tâm chống Phong - Da liễu Tỉnh Nghệ An" thuộc Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương.

Cán bộ hướng dẫn: 1. PGS. TS. Lê Trần Anh  
2. TS. Tăng Xuân Hải

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, CT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên/Biên soạn	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>						
-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>						
1	Dị nguyên và Điều trị miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên (Lý luận và thực hành)	Sách chuyên khảo	NXB Y học - 2022	7	Biên soạn		Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương

2	Chóng mặt (Tư bệnh học đến điều trị)	Sách chuyên khảo	NXB Y học - 2023	2	Chủ biên		Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương
---	--------------------------------------	------------------	------------------	---	----------	--	---

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Ứng dụng phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần trong điều trị ung thư thanh quản tại bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.	Chủ nhiệm	Đề tài Cấp tỉnh	2017	Nghiệm thu ngày 05/5/2017; Sở Khoa học Công nghệ Nghệ An. Xếp loại: Giải nhì
2	Nghiên cứu thực trạng viêm mũi dị ứng của học sinh trung học cơ sở lứa tuổi 11-14 ở thành phố Vinh - Nghệ An và đề xuất giải pháp can thiệp.	Chủ nhiệm	Đề tài Cấp tỉnh	2018	Nghiệm thu ngày 31/5/2018; Sở Khoa học Công nghệ Nghệ An. QĐ thành lập HĐ: 134/QĐ-KHCN ngày 24/5/2018; Xếp loại: Xuất sắc
3	Thực trạng viêm mũi dị ứng và các yếu tố liên quan ở các trường THCS thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2016	Quyết định số 1740/QĐ-BV ngày 22/11/2016, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
4	Bước đầu đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần trong điều trị ung thư thanh quản	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2016	Quyết định số 1740/QĐ-BV ngày 22/11/2016, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
5	Bước đầu đánh giá hiệu quả phẫu thuật tạo hình tai giữa trên hốc mỏ tiết căn xương chũm tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	Quyết định số 1851/QĐ-BV ngày 13/11/2017, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
6	Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học và khảo sát mối liên quan giữa đại thể và vi thể trong ung thư đại trực tràng	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	Quyết định số 1678/QĐ-BV ngày 29/10/2019, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
7	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên nhân và kết quả phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp khí quản	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	Quyết định số 1678/QĐ-BV ngày 29/10/2019, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)</b>	<b>CN/PCN/TK</b>	<b>Mã số và cấp quản lý</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ</b>
8	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị viêm xoang hàm một bên	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	Quyết định số 1678/QĐ-BV ngày 29/10/2019, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
9	Phẫu thuật tạo hình hệ thống xương con bằng trụ gồm sinh học tại khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	Chủ nhiệm	Sáng kiến cấp tỉnh	2016-2017	Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 17/4/2018, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
10	Ứng dụng xét nghiệm PAPP-A, siêu âm Doppler động mạch tử cung trong sàng lọc và điều trị dự phòng bệnh lý tiền sản giật – sản giật tại Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Sáng kiến cấp tỉnh	2020-2021	Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 08/6/2021, Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>				
1	Đánh giá hiệu quả dự phòng lạnh run sau gây tê tủy sống mổ lấy thai bằng dịch truyền được làm ấm	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Tốt
2	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong đẻ của gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự kiểm soát bằng anaropin kết hợp fentanyl	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021. Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Xuất sắc
3	Đánh giá hiệu quả điều trị lạnh run sau gây tê tủy sống mổ lấy thai bằng magesi sulfat	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. Xếp loại: Tốt
4	Phân tích thực trạng báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2020-2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Xếp loại: Tốt
5	Đánh giá vai trò của siêu âm trong chẩn đoán theo dõi điều trị bệnh lồng ruột tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. Xếp loại: Tốt.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
6	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng hai bên toàn bộ bẩm sinh theo kỹ thuật Push Back tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Xuất sắc
7	Đánh giá tình trạng kháng thuốc kháng sinh của các vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Tốt
8	Nghiên cứu tính kháng kháng sinh của một số loài vi khuẩn gây bệnh phân lập được tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Xuất sắc
9	Nhận xét kết quả ngắn hạn của phương pháp vít ống động mạch bằng dụng cụ qua da ở trẻ em tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Xuất sắc
10	Nhận xét kết quả phẫu thuật Crossen trong điều trị sa sinh dục tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An từ tháng 6/2020 đến 6/2021	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Tốt
11	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và bước đầu điều trị viêm gan do Cytomegalovirus ở trẻ em tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	Nghiệm thu ngày 04/11/2021 Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An Xếp loại: Tốt

**Các nhiệm vụ khoa học đang thực hiện năm 2023:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng (TAP BLOCK) dưới hướng dẫn của siêu âm tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2023	Đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt HA của Noradrenalin với Ephedrin tiêm tĩnh mạch sau gây tê tuỷ sống mổ lấy thai tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2022-2023	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

#### 7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận Tiến sỹ: 05 bài báo</b>							
1	Đánh giá mức độ cải thiện chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân viêm mũi dị ứng với dị nguyên Dermatophagoides Pteronyssinus được điều trị bằng miễn dịch đặc hiệu đường dưới lưỡi	5		<i>Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam</i> ISSN: 1859-3704			Volume (58-16). No4 - Trang 64-70.	June, 2013
2	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và tỷ lệ mắc viêm mũi dị ứng do dị nguyên lông vũ ở những người chăn nuôi gia cầm tại Thái Bình	3		<i>Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam</i> ISSN: 1859-3704			Volume 58-16. No4 - Trang 70-78.	June, 2013
3	Thực trạng viêm mũi dị ứng ở học sinh Trung học cơ sở tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2015	3	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Số 1(48); Trang 34-38	Năm 2019
4	Một số yếu tố liên quan đến viêm mũi dị ứng ở học sinh trung học cơ sở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2015	4	x	<i>Tạp chí Y học dự phòng.</i> ISSN: 0368-2836			Số 9 (28), Trang 27-33	Năm 2018.
5	Hiệu quả can thiệp điều trị viêm mũi dị ứng bằng Avamys ở học sinh trung học cơ sở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	5	x	<i>Tạp chí Y học dự phòng.</i> ISSN: 0368-2836			Số 9 (28), Trang 19-26	Năm 2018.

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận Tiến sỹ: 60 bài báo</b>							
<b>6</b>	The Presence of Aflatoxin B1 and Fungi in Traditional Drugs in Vietnam.	4	x	<i>Acta Medica Iranica</i> pISSN: 0044-6025.eISSN: 1735-9694	Impact factor IF=3.918		Vol. 60, No. 4: p.236-242	November, 2022
<b>7</b>	The kinetic profile of clinical and laboratory findings and treatment outcome of patients with toxocariasis	5	x	<i>Tropical Medicine and International Health</i> ISSN:1365-3156	Impact factor IF=3.918		Vol. 26, issue 11	November 2021
<b>8</b>	Serotype distribution and antibiotic resistance of <i>Streptococcus pneumoniae</i> isolates collected from unvaccinated children with pneumonia at a province in central Vietnam.	8	x	<i>Iran. J. Microbiology</i> pISSN: 2008-3289 eISSN: 2008-4447	Impact factor IF=1.58		Vol.14 Number 5:653-661.	October 2022
<b>9</b>	Clinical and Laboratory Findings among Patients with Toxocariasis in Medic Medical Center, Ho Chi Minh City, Vietnam in 2017-2019	10		<i>Iran J Parasitol:</i> ISSN:17357020 eISSN:2008-238x.	Impact Factor: 1.217 CiteScore: 1.8p		Vol. 16, No.4 pp.538-547	Oct- Dec 2021
<b>10</b>	Pre-operative Factors Predicting Six Month Mortality and the Functional Recovery in Elderly Patients with Hip Fractures	6		<i>Malaysian Orthopaedic Journal</i> ISSN Print: 1985-2533 ISSN Electronic: 2232-111X			Vol 17, No 1.	2022
<b>11</b>	Inhibition of $\alpha$ -Glucosidase, Acetylcholinesterase, and Nitric Oxide Production by Phytochemicals Isolated from <i>Millettia speciosa</i> In Vitro and Molecular Docking Studies	13		<i>Plants</i> 2022 (Basel, Switzerland), ISSN: 2223-7747			11(3) :388	Jan. 2022
<b>12</b>	Chemical constituents from the seeds of <i>Alpinia blepharocalyx</i> K. Schum in Vietnam and their bioactives	9		<i>Pharmacophore</i> ISSN: 2229-5402			11(6) 2020, Pages: 108-111	2020
<b>13</b>	Chemical constituents obtained from rhizomes of <i>Alpinia blepharocalyx</i> K. Schum. and	8		<i>Institute of Natural Fibres and</i>			69(1): 31-36.	2023

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	their anti-inflammatory properties			<i>Medicinal Plants</i> ISSN: 2229-5402				
14	Đánh giá kết quả phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII điều trị liệt mặt ngoại biên do chấn thương tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
15	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị chảy máu mũi điểm mạch bằng nitrat bạc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
16	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị viêm xương hàm một bên.	2	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 503, Số đặc biệt	Tháng 6 - Năm 2021
17	Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố nguy cơ viêm tai giữa ứ dịch tái diễn ở trẻ em sau đặt ống thông khí tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An.	3	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			No.01 - p.40-44.	may 2022
18	Nghiên cứu giảm thính lực trẻ sơ sinh đo bằng âm ốc tai (OAE) sàng lọc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An từ 2016 - 2019	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 495; Số đặc biệt; tr.426-430.	Tháng 10 - 2020
19	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, X-Quang và đánh giá kết quả đi u trị gãy xương hàm dưới do chấn thương tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2017-2019	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 495; Số đặc biệt, tr.437-441.	Tháng 10- 2020
20	Initial results of cochlear implantation at Nghe An Obstetric and Pediatrics Hospital: Case report.	8	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 64, Special Issue, 2023; p.181-188.	2023
21	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng hai bên toàn bộ bẩm sinh theo kỹ thuật Push Back tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2018-2021	3	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 511 - Số 1	Tháng 2- 2022
22	Rò luân nhĩ biến thể: vai trò của vi phẫu thuật	4		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-			Vol. 63, No. 8 , 2022;	2022

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				0613			p.233-237.	
23	Đánh giá vai trò của siêu âm trong chẩn đoán tắc ruột trẻ em tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2020	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
24	Nhận xét hình ảnh nội soi và đặc điểm mô bệnh học viêm dạ dày mạn tính nhiễm Helycobacter Pylori ở trẻ em tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An	3	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			No.01; p.112-115.	may 2022
25	Khảo sát sự kháng kháng sinh của staphylococcus aureus gây nhiễm khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	5	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p223-232.	2022
26	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và bước đầu điều trị viêm gan do cytomegalovirus (CMV) ở trẻ em tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	3	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Special Issue (2022) 123-129.	2022
27	Nghiên cứu các chỉ số sinh hóa, huyết thanh học, sinh học phân tử bệnh do cytomegalovirus ở trẻ em tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.95-101.	2022
28	Kết quả phẫu thuật nội soi nang ống mật chủ tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An từ năm 2019 đến năm 2022	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p.102-106.	2022
29	Bốn trường hợp đầu tiên tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	6	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p.68-64.	2022
30	Đánh giá kết quả sàng lọc sơ sinh bằng phương pháp lấy máu gót chân tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An từ 01/1/2022 - 30/6/2022	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.74-79.	2022
31	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật chi trên ở trẻ em bằng gậy tê đám rối thần kinh cánh tay đường trên đòn dưới hướng dẫn siêu âm tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An từ 02/2022-09/2022	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p.80-84.	2022



TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Nghiên cứu sự biến đổi nồng độ natri máu trên bệnh nhi chấn thương sọ não	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.107-112.	2022
33	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị không hậu môn tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	3	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.120-124.	2022
34	Vỡ tim: báo cáo trường hợp điều trị thành công	5	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.130-134.	2022
35	Nhận xét một trường hợp bệnh xơ cứng củ tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	3	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.135-141.	2022
36	Nhận xét về tăng trưởng, phát triển tâm – vận động và tổn thương não trên MRI ở trẻ bại não thể co cứng tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An.	3	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 64 2023 p.68-72.	2023
37	Chẩn đoán trước sinh các bất thường nhiễm sắc thể bằng kỹ thuật CNV-SEQ tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	10		<i>Tạp chí Phụ Sản</i> ISSN 1859–3844			Tập 20, số 3:26-31	2022
38	Clinical and Subclinical Characteristics of Pneumococcal Pneumonia in Children in Viet Nam Central Children’s Hospital	3		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 4:31-37.	2022
39	Đánh giá vai trò của siêu âm trong chẩn đoán và điều trị bệnh lồng ruột tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	3		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 511 - Số 1	Tháng 2- 2022
40	The Treatment Result of Iron Deficiency Anemia in Children Under 5 Years Old at Nghe An Obstetrics and Children's Hospital	3		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Special Issue (2022) 116-122.	2022
41	Nhận xét kết quả ngắn hạn của phương pháp bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da ở trẻ em tại bệnh viện Sản nhi Nghệ An	4		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			No.02; p.52-56.	Tháng 4 - 2022

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
42	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của viêm phổi do phế cầu ở trẻ em điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	3		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 4 (2022), p.31-37.	2022
43	Khảo sát sự phân bố các type huyết thanh của phế cầu gây viêm phổi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Nghệ An năm 2020 -2022	5		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p.162-168.	2022
44	Đánh giá kết quả sàng lọc, chẩn đoán trước sinh dị tật bẩm sinh thai nhi ở thai phụ có nguy cơ cao tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
45	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong đẻ của gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự kiểm soát bằng anaropin kết hợp fentanyl	3	x	<i>Tạp chí Y Dược học</i> ISSN: 2734-9209			Số 39	Tháng 12/2021
46	Một số yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại Thành phố Hải Phòng năm 2018.	5		<i>Tạp chí Y học dự phòng</i> ISSN: 0868-2836			Tập 31, số 1	2021, Trang 210-217.
47	Đặc điểm và giá trị của xét nghiệm sàng lọc dự đoán bất thường nhiễm sắc thể ở thai phụ có nguy cơ cao tại Nghệ An (2020-2021)	2	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Tập 62, Số 7; 238-245	09/12/2021
48	Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố liên quan với nhiễm liên cầu nhóm B đường sinh sản ở phụ nữ có thai tuần thứ 35 đến tuần thứ 37 tại Nghệ An năm (2019)	2	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 3: 8-14.	2019
49	Đánh giá hiệu quả dự phòng lạnh run sau gây tê tủy sống mô lấy thai bằng dịch truyền được làm ấm.	3	x	<i>Tạp chí Y Dược học</i> ISSN: 2734-9209			Số 39	Tháng 12/2021
50	Nhận xét kết quả phẫu thuật Crossen trong điều trị sa sinh dục tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 6:135-141.	2022
51	Hiệu quả giảm đau sau mổ của gây tê ngoài màng cứng trong phẫu thuật lấy thai tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8 , 2022; p.19-25.	2022
52	Mô tả một số đặc điểm nhiễm liên cầu khuẩn nhóm B và kết quả điều trị dự phòng bằng kháng sinh ở	2	x	<i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> ISSN: 2354-			Vol 63, No 4:23-30	2022

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	phụ nữ có thai từ 35 tuần đến 37 tuần tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An 2019			0613				
53	Đánh giá kết quả khâu vòng cổ tử cung trong điều trị dự phòng sảy thai và sinh non tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An.	3	x	<i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 64, No 2, p.17-22	2023
54	Nhận xét biểu đồ nhịp tim thai trong chuyển dạ tại khoa Sản - Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. <i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> , 64(5). 2023.	3	x	<i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 64 No 5	2023
55	Đánh giá hiệu quả điều trị lạnh run sau gây tê tủy sống mổ lấy thai bằng magnesi sulfat	3		<i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63; No. 2;	Tháng 2, 2022
56	Nhận xét kết quả chọc ối ở những trường hợp thai nhi có tăng khoảng sáng sau gáy tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	6		<i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol. 63, No. 8, 2022; p.245-252.	2022
57	Đánh giá kiến thức và thực hành của nhân viên y tế về phân loại, thu gom chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
58	Nghiên cứu kiến thức, thực hành chống nhiễm nấm mốc cho dược liệu của cán bộ Y tế tại một số bệnh viện thuộc tỉnh Nghệ An, hiệu quả một số biện pháp can thiệp năm 2019	2	x	<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 2 (2022): 65-71.	Tháng 2, 2022
59	Mối liên quan của các yếu tố mô bệnh học trong ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.	2		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 503, Tháng 6 - Số đặc biệt	Tháng 6 năm 2021
60	Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học trong ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.	2	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 503, Tháng 6 - Số đặc biệt	Tháng 6 năm 2021
61	Phân tích thực trạng báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An giai đoạn 2020-2021	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 513 - Tháng 4 - Số 1 - 2022.	Tháng 4- 2022.
62	Nghiên cứu tính kháng kháng sinh của một số loài vi khuẩn gây bệnh	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Vol.63; No.1;	March - 2022

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	phân lập được tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2021			ISSN: 1859-1868			tr.181-187	
63	Đánh giá kiến thức và thực hành vệ sinh tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN: 1859-1868			Tập 497, Số đặc biệt	Tháng 12 - 2020
64	Đánh giá tình trạng kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2021	3		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 1; p.152-161.	2022
65	Xác định kết quả thay khớp háng bán phần ở người bệnh trên 60 tuổi gãy vùng máu chuyển và hoặc cổ xương đùi tại bệnh viện chấn thương chỉnh hình Nghệ An (2020-2021).	3		<i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> ISSN: 2354-0613			Vol 63, No 5, p.61-69	2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 bài.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1...							

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS: 44 bài báo là tác giả chính đăng trong các tạp chí có uy tín, trong đó có 03 bài đăng trong tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/Scopus, 2 bài có chỉ số IF = 3,918; 01 bài có chỉ số IF = 1,58 và 41 bài báo Tiếng Việt đăng trong các tạp chí có uy tín được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận.

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Tăng Xuân Hải**